

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HS-ST
Ngày 14-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Trịnh Văn N, sinh năm 1984, tại Cà Mau; nơi thường trú: xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T và bà Đỗ Thị T1 (đã chết); tiền sự: không;

Tiền án:

- Năm 2007, bị TAND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án sơ thẩm số 30/2007/HSST ngày 24/4/2007, chấp hành xong hình phạt ngày 30/9/2007, chấp hành án phí ngày 25/9/2007;

- Năm 2011, bị TAND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 21/4/2011, chấp hành xong hình phạt ngày 08/8/2013, án phí ngày 24/9/2015, chưa bồi thường cho bị hại.

- Năm 2021, bị TAND thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án sơ thẩm số 64/2021/HSST ngày 29/01/2021, chấp hành xong hình phạt ngày 05/02/2023, án phí ngày 31/01/2023.

Nhân thân:

- Năm 2008, bị TAND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án sơ thẩm số 90/2008/HSST ngày 03/9/2008, chấp hành xong hình phạt ngày 30/11/2009, chấp hành án phí tháng 02/2009.

- Năm 2019, bị Công an phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0016361/QĐ-XPHC ngày 31/7/2019, đóng phạt ngày 11/10/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/10/2023 sau đó tạm giam đến nay; (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Hà Trung H, sinh năm 2001; nơi cư trú: khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Ông Lâm Tuấn A, sinh năm 1979; nơi cư trú: khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:* ông Lương Hữu Đ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn N không có việc làm nên nảy sinh ý định đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 02 giờ 00 ngày 17/10/2023, khi N đi bộ đến khu phố B, phường K thì thấy cửa nhà của ông Nguyễn Hà Trung H khép hờ, không có khóa nên N nảy sinh ý định đột nhập vào nhà của H để trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, N mở cửa đi vào nhà thì phát hiện H đang nằm ngủ trên nền nhà, bên cạnh có điện thoại Oppo A98 5G, N dùng tay lấy trộm điện thoại của H rồi đi ra khỏi nhà. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, N mang điện thoại lấy trộm được đến cửa hàng điện thoại di động V tại khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp ông Lương Hữu Đ (là chủ cửa hàng điện thoại di động V) để bán lấy tiền tiêu xài. Khi kiểm tra tình trạng điện thoại Oppo A98 5G thì ông Đ biết đây là điện thoại của H bị mất trộm (do Đ và H quen biết với nhau) nên Đ thông báo cho H biết và báo cho Cơ quan Công an phường K biết sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường K tiến hành đưa Trịnh Văn N về trụ sở Công an phường để làm việc. Qua làm việc, Trịnh Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm chiếc điện thoại di động Oppo A98 5G của anh H.

Ngoài ra, Trịnh Văn N còn bị tạm giữ một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16k màu đen, số IMEI 1: 861063054999871; số IMEI 2 861063054999863. Qua kiểm tra điện thoại thì phát hiện bên trong điện thoại có hình ảnh căn cước công dân của ông Lâm Tuấn A và các phiếu giao hàng ngày

15/10/2023 và ngày 16/10/2023 của ông A nên Công an phường K tiến hành liên hệ ông A làm việc. Qua làm việc, ông A khai nhận vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 17/10/2023, Anh điều khiển xe chở hàng đến cây xăng N1 thuộc phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì đỗ xe bên đường và ngủ trên cabin xe. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, ông A thức dậy để chở hàng đi tỉnh Long An thì phát hiện chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A16k, màu đen đã bị mất trộm nhưng do phải đi giao hàng gấp nên ông A chưa kịp đến công an trình báo vụ việc. Đến khoảng 17 giờ ngày 17/10/2023, ông A đến Công an phường K để làm việc. Qua kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16k màu đen thu giữ của N thì ông A xác định đây là điện thoại của mình do trong điện thoại còn lưu hình ảnh căn cước công dân của ông A và các phiếu giao nhận hàng. Để chứng minh là điện thoại của mình thì ông A đã giao nộp các phiếu giao hàng ngày 15/10/2023 và ngày 16/10/2023 của ông A đã lưu trữ trong điện thoại OPPO A16k màu đen cho Công an phường K. Tuy nhiên, N khai nhận điện thoại này là của N mua tại một tiệm điện thoại trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng không nhớ rõ địa chỉ cụ thể với giá 2.200.000 đồng từ tháng 8/2023. N không thừa nhận việc lấy trộm điện thoại của ông Lâm Tuấn A.

Công an phường K tạm giữ: 01 (một) điện thoại OPPO A98 5G, màu xanh, số imei 1: 8629990600569018, số imei 2: 862999060056900; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16k màu đen, số imei 1: 861063054999871; số imei 2: 861063054999863 do Trịnh Văn N giao nộp.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường K tiến hành bàn giao Nam cùng hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T xác định giá trị điện thoại OPPO A98 5G, màu xanh, số imei 1: 8629990600569018, số imei 2: 862999060056900 là 5.400.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 154/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T xác định giá trị điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16k màu đen, số imei 1: 861063054999871; số imei 2: 861063054999863 là 2.127.000 đồng.

Điện thoại OPPO A98 5G, màu xanh, số imei 1: 8629990600569018, số imei 2: 862999060056900 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Hà Trung H. Ngày 05/3/2024. Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 24 trả lại cho ông Nguyễn Hà Trung H.

Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16k màu đen, số imei 1: 861063054999871; số imei 2: 861063054999863 là tài sản hợp pháp của ông Lâm Tuấn A. Ngày 05/3/2024. Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 25 trả lại cho ông Lâm Tuấn A.

Về vấn đề dân sự: Ông Nguyễn Hà Trung H, ông Lâm Tuấn A không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 115/CT-VKSTU ngày 10 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trịnh Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn N mức hình phạt tù từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết do bị hại không có yêu cầu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong phần lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO A98 5G của ông Nguyễn Hà Trung H nhưng không thừa nhận có chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO A16k của ông Lâm Tuấn A. Bị cáo cho rằng đã mua chiếc điện thoại hiệu OPPO A16k tại một tiệm điện thoại trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng không nhớ rõ địa chỉ cụ thể với giá 2.200.000 đồng từ tháng 8/2023. Xét thấy, bị hại ông Lâm Tuấn A xác định đã mua chiếc điện thoại hiệu OPPO A16k từ tháng 10/2022. Đến 01 giờ 00 phút ngày 17/10/2023, ông A điều khiển xe chở hàng đến cây xăng N1 thuộc phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì đỗ xe bên đường và ngủ trên cabin xe đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày thì phát hiện chiếc điện thoại di động trên đã bị mất trộm. Quá trình sử dụng điện thoại, ông A đã lưu hình ảnh căn cước công dân của ông A và chụp hình các phiếu giao nhận hàng ngày 15/10/2023 và 16/10/2023 trong điện thoại. Ông A đã giao nộp các phiếu giao hàng ngày 15/10/2023 và ngày 16/10/2023 của ông A trong điện thoại OPPO A16k. Bị cáo cho rằng đã mua chiếc điện thoại nêu trên từ tháng 8/2023 với số tiền 2.200.000 đồng nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh, không xác định được nơi mua. Đồng thời, bị cáo cũng không lý giải được vì sao điện thoại bị cáo cho rằng đã mua và sử dụng từ

tháng 8/2023 nhưng lại có hình ảnh căn cước của bị hại Lâm Tuấn A và hình chụp các hoá đơn ghi ngày 15/10/2023 và 16/10/2023 của ông A trong điện thoại là thể hiện sự quanh co, chối tội. Do đó, căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, kết luận giám định, định giá có đủ cơ sở kết luận: Ngày 17/10/2023, tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Trịnh Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO A98 5G của ông Nguyễn Hà Trung H trị giá 5.400.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A16k của ông Lâm Tuấn A trị giá 2.127.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.527.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, tham lam nên đã cố ý phạm tội. Tại Bản án số 64/2021/HSST ngày 29/01/2021 của TAND thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã xét xử bị cáo với tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, nhận thấy chỉ vì sự tư lợi, tham lam, để có tiền sử dụng, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, sau khi bị phát hiện, bị cáo không có sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải mà quanh co, chối tội. Bị cáo đã bị xử phạt nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành án xong bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường, bất chấp pháp luật. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị chiếm đoạt đã hoàn trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52,

Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N 04 (B) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/10/2023.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Văn N phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung